TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-PT
Ngày 30-3-2020
V/v tranh chấp về chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Vân Thúy

Các Thẩm phán: Bà Đặng Hồ Điệp

Bà Vũ Thị Thu Hà

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thẩm tra viên của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 04/2019/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2020 về việc: Tranh chấp về chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 41/2019/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2020/QĐ-PT ngày 25 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2020/QĐ-PT ngày 25 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị H, nơi cư trú: Tổ dân phố Quang Tr, phường Minh Đ, quận Đồ S, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Hoàng Đình Đ, sinh năm 1970; nơi cư trú: Tổ Quang Tr, phường Minh Đ, quận Đồ S, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Hoàng Đình Đ, sinh năm 1954; nơi cư trú: Tổ dân phố Quang Tr, phường Minh Đ, quận Đồ S, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Bà Hoàng Thị S, sinh năm 1960; nơi cư trú: Thôn Văn D, xã Kim Kh, huyện Kim Th, tỉnh Hải D; vắng mặt.

+ Ông Hoàng Đình Tr, sinh năm 1962; nơi cư trú: Tổ dân phố Quang Tr, phường Minh Đ, quận Đồ S, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Ông Hoàng Đình K, sinh năm 1965; nơi cư trú: Số 1917 đường 353, tổ dân phố Tân T, phường Tân Th, quận Dương K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1973; nơi cư trú: Tổ dân phố Nguyễn H, phường Minh Đ, quận Đồ S, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân quận Đồ S, thành phố Hải Phòng; trụ sở: Số 195 Lý Thánh T, phường Ngọc X, quận Đồ S, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Hoàng Đình Đ - là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ và bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Bà Phạm Thị H và ông Hoàng Đình Đ tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống, bà và ông Đ phát sinh mâu thuẫn nên bà đã có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng. Tại Bản án số 26/2018/HNGĐ-ST ngày 02-11-2018 của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn đã giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông Đ; về tài sản chung, bà H và ông Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi bản án nêu trên có hiệu lực pháp luật, hai bên không thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc phân chia tài sản chung. Vì vậy, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung là:

- Diện tích đất 433.4m^2, tại thửa số 112, tờ bản đồ số 37-HĐ và tài sản trên đất là ngôi nhà 01 tầng và một số công trình khác tại tổ dân phố Quang Trung, phường Minh Đức; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 613543, số vào sổ cấp GCN: CH00475 ngày 01-7-2011 của Uỷ ban nhân dân quận Đồ Sơn cấp cho bà H và ông Đ.

- Diện tích 1.970m^2 đất trồng lúa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 409504, số vào sổ cấp GCN: 00931 ngày 10-4-1996 của Uỷ ban nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng cấp cho hộ ông Hoàng Đình Đ.

- Chi phí đầu tư làm kè bê tông xung quanh bờ ao nuôi trồng thủy sản tại diện tích đất 1.158,2m^2, thửa số 100, tờ bản đồ số 43 tại tổ dân phố Quang Trung, phường Minh Đức mà bà và ông Đ thuê của Ủy ban nhân dân phường Minh Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà H và ông Đ đã thống nhất thỏa thuận được với nhau về một phần nội dung vụ án nên bà H đã rút một phần yêu cầu khởi kiện là chia diện tích 1.970m^2 đất trồng lúa và chia chi phí đầu tư làm kè bê tông xung quanh bờ ao nuôi trồng thủy sản, chỉ yêu cầu Tòa án chia tài sản chung với ông Đ là diện tích đất 433.4m^2, tại thửa số 112, tờ bản đồ số 37-HĐ và tài sản trên đất. Cụ thể, bà H yêu cầu được chia 1/2 diện tích đất 433.4m^2 tại thửa đất số 112, đề nghị giao phần đất có nhà và các công trình trên đất cho ông Đ quản lý, sử dụng và ông Đ phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho bà 1/2 giá trị các tài sản trên đất theo kết quả định giá tài sản và đề nghị được nhận phần đất có cây cối, hoa màu và có trách nhiệm trả 1/2 giá trị chênh lệch cho ông Đ, kể cả trong trường hợp có cây cối, hoa màu đã được Hội đồng định giá xác định giá nằm trên phần đất chia cho ông Đ.

Về nguồn gốc thửa đất: Theo bà H, do năm 2009 được sự đồng ý của cụ Th là mẹ đẻ ông Đ và các anh chị em bên gia đình ông Đ, ông bà đã làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 01-7-2011, Uỷ ban nhân dân quận Đồ Sơn đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đứng tên ông bà. Về tài sản trên đất: Vào đầu năm 2000, do nhà và các công trình của cụ B, cụ Th để lại đã xuống cấp và do nhu cầu về chỗ ở do các con chung của ông bà đã lớn nên bà và ông Đ đã phá bỏ các công trình vật kiến trúc cũ và xây dựng các công trình vật trúc mới gồm ngôi nhà 01 tầng và các công trình phụ trợ để phục vụ cho cuộc sống sinh hoạt của gia đình. Việc bà và ông Đ phá bỏ các công trình vật kiến trúc cũ của các cụ để lại, cụ Th và các anh chị em trong gia đình ông Đ đều biết và không có ý kiến gì. Các công trình vật kiến trúc mới như hiện nay là tài sản riêng của bà và ông Đ, các con của ông bà và các anh chị em không có đóng góp công sức hay tiền bạc gì.

Ông Đ không đồng ý với yêu cầu chia tài sản của bà H và cho rằng đây không phải là tài sản chung của ông và bà H. Nguồn gốc thửa đất trên là do bố mẹ ông là cụ B và cụ Th tạo dựng lên. Thửa đất trên là di sản của các cụ để lại và chưa chia cho các anh em trong gia đình. Cụ B chết trước khi bà H về chung sống với ông. Cụ Th trước khi chết không nói cho thửa đất trên cho ông và bà H. Quá trình xin cấp giấy chứng nhận, lúc thì ông đi làm, lúc thì bà H đi làm các thủ tục. Việc đo đạc khảo sát vẽ sơ đồ thửa đất, lập biên bản xác định ranh giới, mốc giới thì ông chứng kiến và ký vào biên bản. Đối với tài sản gắn liền với thửa đất số 112 là tài sản chung của ông và bà H tạo dựng lên trong quá trình chung sống, không liên quan đến các con của ông bà và các anh chị em trong gia đình. Đối với tài sản trên đất, ông đề nghị được nhận toàn bộ các tài sản gắn liền với đất và đồng ý trả 1/2 giá trị bằng tiền cho bà H.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đ, ông Tr, bà S, bà H, ông K và người đại diện theo ủy quyền của ông K thống nhất trình bày: Tài sản là diện tích đất 433.4m^2 tại thửa số 112 là của bố mẹ các ông bà. Cụ B và cụ Th chết không để lại di chúc dưới bất kỳ hình thức nào và các cụ chưa cho ai, không nói là

cho ông Đ và bà H. Các ông bà đề nghị trả lại tài sản là quyền sử dụng thửa đất trên cho các con của hai cụ. Việc Ủy bản nhân dân quận Đồ Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H và ông Đ là không đúng với quy định của pháp luật nên yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 112, tờ bản đồ số 37-HĐ. Còn tài sản trên đất là tài sản chung của ông Đ, bà H tạo dựng lên, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Với nội dung nêu trên Bản án sơ thẩm số 41/2019/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng đã quyết định như sau:

Căn cứ vào Điều 16 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 207; Điều 219; Điều 220 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Án lệ số 03/2016/AL 03/2016/AL về vụ án "Ly hôn" được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 208/2013/DS-GĐT ngày 03-5-2013, được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06-4-2016;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 147; Điều 244; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 233; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Phạm Thị H về việc chia diện tích 1.970m^2 đất trồng lúa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 409504, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 00931.QSDĐ/KT07Q1 ngày 10-4-1996 của Ủy ban nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng cấp cho hộ ông Hoàng Đình Đ và yêu cầu chia chi phí đầu tư làm kè bê tông xung quanh bờ ao nuôi trồng thủy sản.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Hoàng Đình Tr hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 613543, số vào sổ cấp GCN: CH00475 ngày 01-7-2011 của Uỷ ban nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng cấp cho ông Hoàng Đình Đ và bà Phạm Thị H.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Phạm Thị H về việc chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn là diện tích đất 433.4m^2 và tài sản trên đất tại thửa số 112, tờ bản đồ số 37-HĐ địa chỉ tổ dân phố Quang Trung, phường Minh Đức, quận Đồ Sơn; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 613543, số vào sổ cấp GCN: CH00475 ngày 01-7-2011 của Uỷ ban nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng:

3.1. Phần tài sản bà Phạm Thị H được chia là phần đất có diện tích 216.7m^2 (vị trí, kích thước, mốc giới có sơ đồ kèm theo). Trên phần đất chia cho bà H có tài sản là cây cối, hoa màu; giao cho bà H sở hữu, sử dụng phần tài sản này.

3.2. Phần tài sản ông Hoàng Đình Đ được chia là phần đất có diện tích 216.7m^2 (vị trí, kích thước, mốc giới có sơ đồ kèm theo). Trên phần đất chia cho ông Đ có tài sản là nhà chính, nhà phụ, nhà bếp, nhà tắm và các công trình phụ trợ khác; giao cho ông Đ sở hữu, sử dụng phần tài sản trên đất này.

3.3. Buộc ông Hoàng Đình Đ phải có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch chia tài sản cho bà Phạm Thị H là 89.594.000 (*Tám mươi chín triệu năm trăm chín mươi tư nghìn*) đồng;

Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Hoàng Đình Đ kháng cáo những nội dung sau: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Nguyên đơn, bị đơn thống nhất thỏa thuận và đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Nội dung thỏa thuận như sau:

- Bà Phạm Thị H và ông Hoàng Đình Đ thống nhất việc phân chia tài sản chung trong thời kỳ chung sống với nhau như vợ chồng gồm có: Diện tích đất 433.4m^2, thuộc thửa số 112, tờ bản đồ số 37-HĐ và tài sản trên đất là ngôi nhà 01 tầng và một số tài sản, công trình khác tại địa chỉ: Tổ dân phố Quang Trung, phường Minh Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng đã được Uỷ ban nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 613543, số vào sổ CH00475 ngày 01-7-2011 đứng tên bà Phạm Thị H và ông Hoàng Đình Đ. Tổng giá trị tài sản theo kết luận định giá là 1.266.078.000 đồng, ông Đ và bà H mỗi người được phân chia 50% giá trị tài sản chung. Cụ thể phân chia, hoán đổi quyền sở hữu, sử dụng tài sản mà Tòa án cấp sơ thẩm đã chia như sau:

- Phần tài sản bà Phạm Thị H được chia là phần đất có diện tích 216.7m^2 vị trí, kích thước, mốc giới theo sơ đồ phân chia tại mốc (2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 20, 19, 18, 2). Trên phần đất chia cho cho bà Phạm Thị H có tài sản là nhà chính, nhà phụ, nhà bếp, nhà tắm và các công trình phụ trợ khác; giao cho bà Phạm Thị H sở hữu, sử dụng phần tài sản trên đất này.

- Ông Hoàng Đình Đ sẽ nhận là phần đất có diện tích 216.7m^2 vị trí, kích thước, mốc giới theo sơ đồ tại mốc (1, 2, 18, 19, 20, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 1). Trên phần đất chia cho ông Hoàng Đình Đ có tài sản là cây cối, hoa màu sẽ do ông Đ sở hữu, sử dụng phần tài sản này.

- Bà Phạm Thị H phải có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch chia tài sản cho ông Hoàng Đình Đ là 89.594.000 (*Tám mươi chín triệu năm trăm chín mươi tư nghìn*) đồng;

- Ông Hoàng Đình Đ không phải thanh toán cho bà Phạm Thị H khoản tiền 10.000.000 *(Mười triệu)* đồng còn thiếu như đã thỏa thuận giữa ông Hoàng Đình Đ và bà Phạm Thị H trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm.

- Đối với các phần quyết định khác tại phần quyết định của bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn ông Hoàng Đình Đ và bà Phạm Thị H hoàn toàn nhất trí không có ý kiến gì và không kháng cáo.

- Ông Hoàng Đình Đ tự nguyện nộp án phí dân sự phúc thẩm.

- Bà Phạm Thị H tự nguyện nộp toàn bộ phần án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản bà Phạm Thị H được hưởng và phần án phí dân sự sơ thẩm của ông Hoàng Đình Đ sẽ do bà Phạm Thị H nộp thay ông Hoàng Đình Đ.

Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa phát biểu quan điểm:

- *Về tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự cũng đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thống nhất thỏa thuận được với nhau toàn bộ vụ án. Xét thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Vì vậy, căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ cũng như lời trình bày của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình về việc chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân.

[2] Về việc vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Những người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo tuy không kháng cáo nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

- Về nội dung:

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn, bị đơn đã thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Xét thấy: Việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, nội dung thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn , thành phố Hải Phòng theo hướng ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

[3.1] Bà Phạm Thị H và ông Hoàng Đình Đ thống nhất việc phân chia tài sản chung trong thời kỳ chung sống với nhau như vợ chồng gồm có: Diện tích đất 433.4m^2, thuộc thửa số 112, tờ bản đồ số 37-HĐ và tài sản trên đất là ngôi nhà 01 tầng và một số tài sản, công trình khác tại địa chỉ: Tổ dân phố Quang Trung, phường Minh Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng đã được Uỷ ban nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 613543, số vào sổ CH00475 ngày 01-7-2011 đứng tên bà Phạm Thị H và ông Hoàng Đình Đ. Tổng giá trị tài sản theo kết luận định giá là 1.266.078.000 đồng, ông Đ và bà H mỗi người được phân chia 50% giá trị tài sản chung. Cụ thể phân chia, hoán đổi quyền sở hữu, sử dụng tài sản mà Tòa án cấp sơ thẩm đã chia như sau:

[3.2] Phần tài sản bà Phạm Thị H được chia là phần đất có diện tích 216.7m^2 vị trí, kích thước, mốc giới theo sơ đồ phân chia tại mốc (2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 20, 19, 18, 2). Trên phần đất chia cho cho bà Phạm Thị H có tài sản là nhà chính, nhà phụ, nhà bếp, nhà tắm và các công trình phụ trợ khác; giao cho bà Phạm Thị H được quyền sở hữu, sử dụng phần tài sản trên đất này.

[3.3] Phần tài sản ông Hoàng Đình Đ được chia là phần đất có diện tích 216.7m^2 vị trí, kích thước, mốc giới theo sơ đồ tại mốc (1, 2, 18, 19, 20, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 1). Trên phần đất chia cho ông Hoàng Đình Đ có tài sản là cây cối, hoa màu; giao cho ông Đ được quyền sở hữu, sử dụng phần tài sản này.

[3.4] Bà Phạm Thị H phải có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch chia tài sản cho ông Hoàng Đình Đ là 89.594.000 (*Tám mươi chín triệu năm trăm chín mươi tư nghìn*) đồng.

[3.5] Ông Hoàng Đình Đ không phải thanh toán cho bà Phạm Thị H khoản tiền 10.000.000 *(Mười triệu)* đồng còn thiếu như đã thỏa thuận giữa hai bên trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm.

[3.6] Đối với các phần quyết định khác tại phần quyết định của bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, ông Hoàng Đình Đ và bà Phạm Thị H hoàn toàn nhất trí, không có ý kiến gì và không có yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết.

[3.7] Ông Hoàng Đình Đ tự nguyện nộp án phí dân sự phúc thẩm.

[3.8] Bà Phạm Thị H tự nguyện nộp toàn bộ phần án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản bà Phạm Thị H được hưởng và phần án phí dân sự sơ thẩm của ông Hoàng Đình Đ sẽ do bà Phạm Thị H nộp thay ông Hoàng Đình Đ.

[4] Về án phí: Theo khoản 2, khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì các đương sự kháng cáo phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm, án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xác định lại theo nội dung thỏa thuận của các đương sự như trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 148, Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 16 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 2, 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Sửa Bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 41/2019/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơnthành phố Hải Phòng.

1. Công nhận thỏa thuận của các đương sự:

1.1. Bà Phạm Thị H và ông Hoàng Đình Đ thống nhất tài sản chung trong thời kỳ chung sống với nhau như vợ chồng gồm có diện tích đất 433.4m^2, thuộc thửa số 112, tờ bản đồ số 37-HĐ và tài sản trên đất là ngôi nhà 01 tầng và một số tài sản, công trình khác tại địa chỉ: Tổ dân phố Quang Trung, phường Minh Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng đã được Ủy ban nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 613543, số vào sổ CH00475 ngày 01-7-2011 đứng tên bà Phạm Thị H và ông Hoàng Đình Đ. Tổng giá trị tài sản theo kết luận định giá là 1.266.078.000 đồng, ông Đ và bà H mỗi người được phân chia 50% giá trị tài sản chung. Nay, phân chia cụ thể như sau:

1.2. Phần tài sản bà Phạm Thị H được chia là phần đất có diện tích 216.7m^2 vị trí, kích thước, mốc giới theo sơ đồ phân chia tại mốc (2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 20, 19, 18, 2). Trên phần đất chia cho cho bà Phạm Thị H có tài sản là nhà chính, nhà phụ, nhà bếp, nhà tắm và các công trình phụ trợ khác; giao cho bà Phạm Thị H được quyền sở hữu, sử dụng phần tài sản trên đất này.

1.2. Phần tài sản ông Hoàng Đình Đ được chia là phần đất có diện tích 216.7m^2 vị trí, kích thước, mốc giới theo sơ đồ tại mốc (1, 2, 18, 19, 20, 10, 11, 12,

13, 14, 15, 16, 17, 1). Trên phần đất chia cho ông Hoàng Đình Đ có tài sản là cây cối, hoa màu; giao cho ông Đ được quyền sở hữu, sử dụng phần tài sản này.

(Có sơ đồ đo vẽ hiện trạng kèm theo)

1.3. Bà Phạm Thị H phải có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch chia tài sản cho ông Hoàng Đình Đ là 89.594.000 (*Tám mươi chín triệu năm trăm chín mươi tư nghìn*) đồng;

1.4. Ông Hoàng Đình Đ không phải thanh toán cho bà Phạm Thị H khoản tiền 10.000.000 *(Mười triệu)* đồng còn thiếu như đã thỏa thuận giữa ông Hoàng Đình Đ và bà Phạm Thị H trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm.

1.5. Đối với các phần quyết định khác tại phần quyết định của bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn ông Hoàng Đình Đ và bà Phạm Thị H hoàn toàn nhất trí và không có yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét, và không có yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền còn phải thi hành, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị H và ông Hoàng Đình Đ, mỗi người phải nộp án phí dân sự sơ thẩm trên trị giá khối tài sản được chia, cụ thể: Bà H và ông Đ, mỗi người phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 29.322.000 đồng; chấp nhận sự tự nguyện của bà H nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm thay cho ông Đ, tổng cộng bà H phải nộp số tiền 58.644.000 *(Năm mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm; đối trừ với số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 10.750.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006974 ngày 23 tháng 4 năm 2019 và số 0006995 ngày 06 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, bà H còn phải nộp tiếp 47.894.000 *(Bốn mươi bảy triệu tám trăm chín mươi tư nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Hoàng Đình Trường được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007076 ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng;

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Hoàng Đình Đ phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0009552 ngày 11tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận

Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; ông Hoàng Đình Đ đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND quận Đồ Sơn, TP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn, TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Vân Thúy